

Chuyển biến kinh tế Mỹ và sự thất thế của tầng lớp trung lưu: phân tích thống kê thời kỳ 1970-2019

Vũ Quang Việt

Để tưởng nhớ GS William Baumol (mất năm 2017), thầy dạy tác giả, và là người tác giả từng làm Trợ lý nghiên cứu (1974-1975). Baumol là người đầu tiên đưa ra nhận định là rất khó tăng năng suất lao động trong dịch vụ, nhưng lương lao động phải tăng tương đương với khu vực có năng suất tăng nhanh, và đó là lý do lương và chi phí sản xuất tăng nhanh hơn tốc độ tăng giá nói chung trong các ngành dịch vụ như luật, y tế, giáo dục, v.v... Hơn thế, khi khu vực dịch vụ tăng về qui mô lao động, mà năng suất lao động lại khó tăng, năng suất của cả nền kinh tế sẽ giảm tốc độ tăng, đưa tốc độ tăng GDP giảm theo. Bài này phát triển trên cơ sở lý thuyết của Baumol.¹

Lịch sử phát triển kinh tế ở Mỹ cho thấy kinh tế Mỹ đo bằng GDP (gross domestic products) nhìn dài hạn đang trên đà giảm dần. Với năng suất cao và tăng nhanh đặc biệt trong khu vực sản xuất hàng hóa đã đưa dần đến giảm thiểu nhu cầu lao động tay chân không cần nhiều học vấn nhưng lương cao vì lao động được tổ chức thành nghiệp đoàn gây áp lực. Tăng năng suất lao động là yếu tố chính làm kinh tế phát triển và tạo ra tầng lớp trung lưu ở Mỹ nhưng cũng là yếu tố hủy diệt nó. Năng suất cao đưa đến việc giảm thiểu nhu cầu lao động.

Đồng thời do lao động ngày càng được nghiệp đoàn bảo vệ, để lương phản ánh năng suất lao động, do đó để giảm áp lực phải tăng lương và nhằm tăng lợi nhuận, tư bản Mỹ sẵn sàng đưa tư bản và sản xuất ra nước ngoài, đặc biệt là Trung Quốc, lợi dụng lao động rẻ của họ, sản xuất rồi

¹ William J. Baumol and William G. Bowen, "On the Performing Arts: The Anatomy of their Economic Problems." The American Economic Review, Vol. 55, No. 2, 1965, pp. 495-502. William D. Nordhaus, [Baumol's Diseases: A Macroeconomic Perspective \(2006\)](#).

đưa hàng về Mỹ. Điều này cũng đồng nghĩa với việc Mỹ phải mở cửa cho hàng Trung Quốc (cũng như các nước đang phát triển khác), lúc đầu hàng hóa thực chất của chính Mỹ do nguồn vốn đầu tư và kỹ thuật của công ty Mỹ, nhưng khi Trung Quốc học được kỹ thuật và với vốn thừa thãi do tỷ lệ để dành của dân cao, tới hơn 50% thu nhập, Trung Quốc dần trở thành mối đe dọa với Mỹ. Người Mỹ được hàng rẻ để tăng tiêu dùng, còn Trung Quốc, sản xuất, tạo việc làm, tích lũy vốn và dần học hay đánh cắp để tự phát triển kỹ thuật tiên tiến.

Kết quả của sự phát triển này là sự thất thế nếu không nói là nghèo đi của tầng lớp trung lưu Mỹ, trước đây năm 62% thu nhập kinh tế Mỹ tạo ra thì ngày nay chỉ còn năm 43%. Điều này đưa đến tình trạng phân cách xã hội ngày càng trầm trọng giữa những người lao động trong công xưởng sản xuất hàng hóa đã từng là rường cột tạo dựng tầng lớp trung lưu bị thu nhỏ lại vì nhiều lý do: phát triển kỹ thuật đưa đến việc dùng ít lao động; tư bản Mỹ chuyển đầu tư ra nước ngoài để tăng lợi nhuận; và sự cạnh tranh giá của hàng Trung Quốc; kết quả là đa số người Mỹ bị đẩy vào lao động dịch vụ lương thấp, để chỉ có thiểu số làm dịch vụ cần chuyên môn với học vấn cao và lương hậu có ảnh hưởng lớn trong xã hội về mặt văn hóa và chính trị. Sự phân cách này lại cộng hưởng với sự trỗi dậy trong phân cách lớn trong quá khứ giữa những người da trắng đã từng được quyền kỳ thị, từng là nông dân, chủ yếu sống ở miền Trung Tây và đặc biệt là miền Nam nước Mỹ, rồi một phần chuyển thành tầng lớp trung lưu lao động trong công nghiệp, nhưng ngày nay đang dần mất thế, nên họ dễ dàng trở nên nhạy cảm với sự kiện đầu tiên trong lịch sử là một người da đen trở thành Tổng thống Mỹ.

Sự phân cách này đã thể hiện cụ thể qua thái độ bất mãn với:

(a) các chương trình trợ cấp xã hội cho 74 triệu người nghèo (bằng 22.5% dân số Mỹ)² tưởng như chỉ có người da màu nhận được nhưng thực tế số người nhận trợ cấp có đến 43% người da trắng (2019) qua các chương trình như Medicare (bảo hiểm y tế cho người cao tuổi), Medicaid (bảo hiểm y tế cho người nghèo và tàn tật), phiếu mua thực phẩm (food stamp), huấn nghiệp, trợ cấp cho học sinh nghèo, cho vay với lãi suất thấp cho học sinh nghèo đi học đại học, v.v. Các trợ cấp xã hội này thuộc Chiến tranh Chống Nghèo (War on Poverty) là một phần của Chương trình Xã hội Vĩ đại (Great Society) mà Tổng thống Lyndon B.

² <https://www.medicaid.gov/medicaid/program-information/medicaid-and-chip-enrollment-data/report-highlights/index.html>. 74 triệu là con số chính thức của chính phủ về người nhận trợ cấp qua Medicaid và CHIP. Con số này cao hơn con số ở đây: <https://fortunly.com/statistics/welfare-statistics/#gref>. Sẽ bàn thêm về con số người nghèo trong phụ lục bàn về người nghèo.

Johnson thuộc Đảng Dân Chủ khởi động từ năm 1965 và sau đó Tổng thống Richard Nixon và Gerald Ford thuộc đảng Cộng Hòa mở rộng thêm để lấy lòng dân Mỹ lúc đó có khuynh hướng chống chiến tranh Việt Nam.

(b) Và tất nhiên là không ít người trong giới này cũng bất mãn với Đạo luật Dân quyền (Civil Right Act 1964) cấm phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, màu da, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc quốc gia và sau này là khuynh hướng tình dục.

Trận chiến giữa quá khứ và tương lai này ở Mỹ đã được chính trị gia kiêu Trump lợi dụng làm chiêu bài mà bỏ qua thực tế là nền kinh tế Mỹ hiện nay chỉ làm lợi cho một thiểu số hoạt động trong ngành dịch vụ như tài chính, thông tin và địa ốc. Theo Bloomberg, dựa vào số liệu của Ngân hàng Trung ương Mỹ, 50 người giàu nhất Mỹ nắm giá trị tài sản bằng 165 triệu người có thu nhập thấp (một nửa dân số Mỹ), và trong đó 1% người giàu nhất nắm 50% giá trị cổ phiếu trên thị trường.³

Những nhận xét ở trên khá chủ quan mang tính xã hội và tâm lý chỉ đúng với xã hội Mỹ mà tác giả bài này sẽ không cố gắng lý giải. Bài viết chú trọng vào phân tích thực tế chiều hướng tốc độ phát triển ngày càng chậm lại trong kinh tế Mỹ vì ngày càng ít dựa vào sản xuất hàng hóa và tập trung vào dịch vụ một khu vực khó tăng năng suất lao động. Nhìn dài lâu thì sự chuyển dịch này là tương lai của mọi nền kinh tế, kể cả của Trung Quốc. Sự chuyển dịch này như đã nói sẽ chỉ làm lợi cho một số nhỏ người và làm mất đi cơ sở tạo ra tầng lớp trung lưu trong xã hội. Thế nào là tầng lớp trung lưu cũng khó định nghĩa nhưng nói chung ở Mỹ nó là tầng lớp người có thu nhập từ lao động đủ để chăm nuôi gia đình có 2 con ăn học xong đại học, có bảo hiểm sức khỏe, có khả năng vay mượn và trả nợ mua xe, mua nhà và đủ sống khi về hưu.⁴ Tuy thế, định nghĩa chính thức của chính phủ vẫn là liên quan đến thu nhập hộ gia đình tính bằng tiền (sẽ bàn sau).

Tác giả cũng không tìm cách lý giải trên cơ sở lý thuyết kinh tế mà chỉ cố gắng vẽ ra một số mặt của bức tranh kinh tế Mỹ từ 1960 đến nay. Nhưng qua phân tích số liệu, điều rất dễ thấy là không thể giải quyết việc làm và thu nhập không đủ sống ở Mỹ bằng cách bảo hộ mậu dịch. Mỹ có thiếu hụt cán cân thương mại về hàng hóa và dịch vụ với cả thế giới là khoảng 1.4% GDP (2019) trong đó một nửa là với Trung Quốc. Dù xóa được thiếu hụt 1.4% này và bù đắp bằng sản xuất nội địa thì cũng không

³ https://www.bloomberg.com/news/articles/2020-10-08/top-50-richest-people-in-the-us-are-worth-as-much-as-poorest-165-million?utm_campaign=news&utm_medium=bd&utm_source=applenews.

⁴ <https://money.cnn.com/infographic/economy/what-is-middle-class-anyway/index.html>.

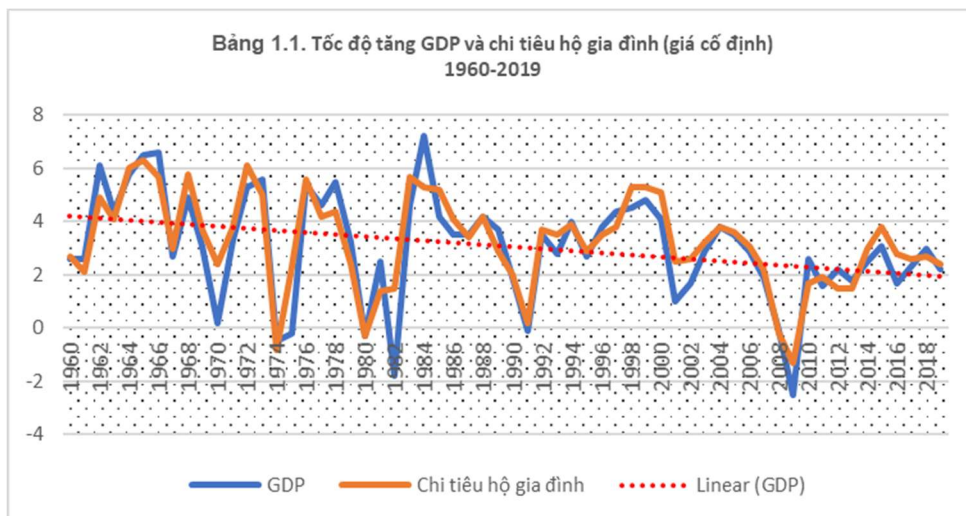
thể đưa trở về thời 1960-70 khi công nghiệp chiếm tới 25% GDP nhưng hiện nay chỉ còn 11% (và 9% số lao động).

Số liệu thống kê dùng để phân tích được thu thập từ các cơ quan chính thống có trách nhiệm thu thập thống kê như US Bureau of Census (US Census), Bureau of Labor Statistics (BLS), Bureau of Economic Analysis (BEA) và Office of Management and Budget (OMB). Một số ý niệm cần thiết để hiểu về thống kê lao động, việc làm được ghi trong bảng “một số chú thích quan trọng...” ở Mục II và các ghi chú khác khi cần.

I. Kinh tế Mỹ và chiều hướng suy giảm tăng trưởng

Thời kỳ phát triển thịnh vượng nhất của kinh tế Mỹ là thập niên 1960, tăng trưởng GDP đạt bình quân năm 4.5% đã đi qua. Từ đó, tốc độ phát triển kinh tế Mỹ đi vào chiều hướng suy giảm mang tính dài hạn không thể cưỡng lại được, mặc dù có trỗi trụt trong ngắn hạn vì ảnh hưởng của khủng hoảng mang tính chu kỳ thường xảy ra ở một nền kinh tế tư bản và đặc biệt mới đây là cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu cuối năm 2007 đưa tới tăng trưởng âm suốt hai năm 2008 và 2009. Tốc độ tăng GDP bình quân năm những năm 1960 là 4.5% đã xuống thấp một nửa, ở mức bình quân 2.3% trong thập niên 2000 (coi bảng 1.1 và 1.2).

Có hai lý do. Thứ nhất là tốc độ tăng dân số giảm dần và do đó tốc độ tăng số lượng lao động cũng giảm và, thứ hai quan trọng hơn là năng suất lao động cũng theo chiều hướng giảm dần vì lao động dần chuyển vào các hoạt động dịch vụ khó tăng năng suất.



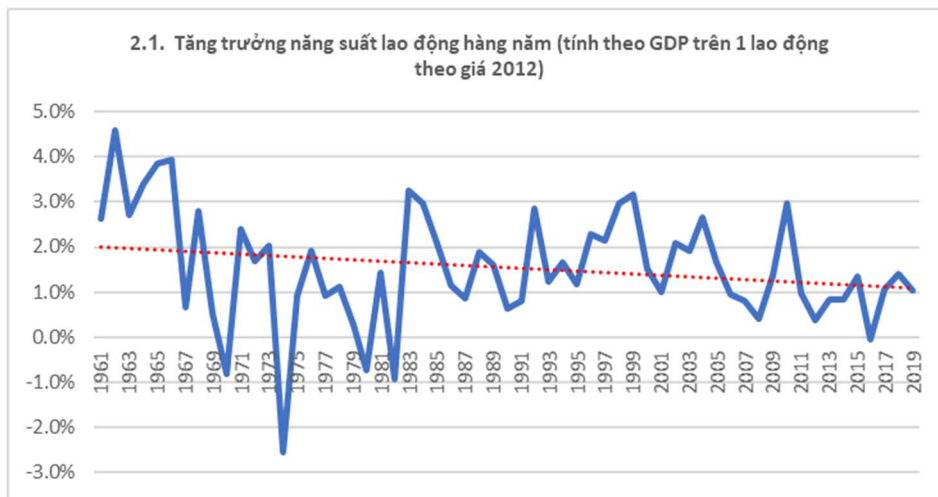
Bảng 1.2 Tốc độ tăng GDP bình quân năm (%)

1960-1969	4.53
1970-1979	3.24
1980-1989	3.13
1990-1999	3.23
2000-2009	1.92
2010-2019	2.30
2017	2.3
2018	3.0
2019	2.2

Để đơn giản hóa, có thể phân tích tổng quát về kinh tế bằng cách phân tăng trưởng GDP thành hai yếu tố: tăng trưởng số việc làm trong nền kinh tế và tăng năng suất lao động. Lấy một cái nhìn dài hạn, ta thấy ở cả hai yếu tố, tốc độ tăng trưởng đều trên đà suy giảm, và đây là sự suy giảm dài hạn, tính từ thời vàng son của những năm 1960. Tốc độ tăng trưởng năng suất lao động đang trên đà giảm, hai mươi năm qua (2000-2019) tăng bình quân năm chỉ hơn 1% một chút. Còn về số lượng lao động tham gia vào thị trường cũng khó tăng hơn 1% một năm vì theo dự báo dân số, tăng trưởng nội sinh của dân số Mỹ từ năm 2020 đến năm 2030 trở đi có thể chỉ còn 0.4% một năm (với chính sách hạn chế di dân)⁵ và nếu chậm dứt di dân, dân số Mỹ sẽ bắt đầu giảm kể từ năm 2035. Chính điều này đang xảy ra ở Nhật. Do đó về dài lâu GDP của Mỹ sẽ khó tăng hơn 2% một năm. (Coi bảng 2.1 và 2.2)

5

<https://www.census.gov/content/dam/Census/library/publications/2020/demo/p25-1146.pdf>.



Bảng 2.2. Tốc độ tăng trưởng bình quân năm

	Số việc làm	Năng suất lao động	GDP
1960-69	1.9%	2.6%	4.5%
1970-79	2.4%	0.8%	3.2%
1980-89	1.7%	1.3%	3.1%
1990-99	1.3%	1.9%	3.2%
2000-09	0.5%	1.4%	1.9%
2010-19	1.2%	1.1%	2.3%
Population annual growth ⁶ 2020-2030	0.7%		

Nguồn Bảng 2.1 và 2.2: tính dựa vào 3 nguồn thống kê của Census, BEA và BLS. Lao động trong năm là trung bình các tháng trong năm.

⁶ Dân số Mỹ: <https://www.macrotrends.net/countries/USA/united-states/population>. Dự báo dân số đến năm 2060: <https://www.census.gov/content/dam/Census/library/publications/2020/demo/p25-1144.pdf>.

II. Lao động và việc làm cho giới trung lưu giảm cả về số lượng và tỷ lệ

Phần II này sẽ phân tích sâu hơn về vấn đề việc làm mà nền kinh tế Mỹ tạo ra, với mục đích giải thích lý do tại sao tăng năng suất lao động nói chung của nền kinh tế giảm dần, số việc làm tạo ra giai cấp trung lưu cũng giảm, và thu nhập tập trung vào một thiểu số người ở tầng lớp trên.

Một số chú thích quan trọng trong Thống kê việc làm ở Mỹ									
<p>1. Một số định nghĩa</p> <ul style="list-style-type: none"> Lao động có việc làm (Employed): bao gồm những người trên 16 tuổi, không nằm trong quân đội hay trong tù, làm việc được trả lương, tự làm việc kinh doanh trong cơ sở thương mại hay nông trại của mình ít nhất 1 tiếng trong tuần điều tra, hay làm việc không lương ít nhất 15 tiếng cho công ty gia đình. <ul style="list-style-type: none"> Có việc làm là những người nằm trong sổ lương (Payroll employment) của cơ sở sản xuất. Thống kê không bao gồm những người tự kinh doanh, những người làm không lương, hay giúp việc trong nhà. Những người bị sa thải tạm, hay tự nghỉ tạm không lương cũng không được tính. 									
<p>2. Current Population Survey-CPS: Điều tra hộ gia đình</p> <ul style="list-style-type: none"> Thống kê này cho thông tin về toàn bộ lực lượng lao động (labor force) bao gồm tổng số lao động có việc làm (total employment) và thất nghiệp (unemployment). Thống kê này dựa vào điều tra hộ gia đình Labor force (Current Population Survey-CPS). 									
<p>3. Current Employment Statistics- CES: điều tra cơ sở sản xuất</p> <ul style="list-style-type: none"> Thống kê này chỉ điều tra cơ sở sản xuất của doanh nghiệp phi nông nghiệp hay cơ quan nhà nước hoặc phi chính phủ establishment survey) và do đó nhằm cung cấp lao động chính qui lao động có sổ lương. Thống kê cũng phân bổ theo hoạt động sản xuất như công nghiệp, dịch vụ. 									
<p>4. Một số thông tin về lao động ở Mỹ</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="text-align: left;">Thống kê về lao động theo loại hoạt động:</th> <th style="text-align: right;">2019 (1,000 người)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> <ul style="list-style-type: none"> Nông nghiệp (lao động nhận lương, tự kinh doanh, lao động không lương) </td> <td style="text-align: right; vertical-align: top;">2,425</td> </tr> <tr> <td> <ul style="list-style-type: none"> Lao động trong hoạt động phi nông nghiệp Employment Level <ul style="list-style-type: none"> Lao động nhận lương Tự kinh doanh Lao động không lương (trong gia đình, v.v.) </td> <td style="text-align: right; vertical-align: top;">155,113 146,262 8,799 53</td> </tr> <tr> <td> <ul style="list-style-type: none"> Sự khác biệt giữa hai loại thống kê (CPS và CES), 6.3 triệu, là lao động nông nghiệp, tự kinh doanh, làm không lương hay giúp việc trong nhà. </td> <td></td> </tr> </tbody> </table>		Thống kê về lao động theo loại hoạt động:	2019 (1,000 người)	<ul style="list-style-type: none"> Nông nghiệp (lao động nhận lương, tự kinh doanh, lao động không lương) 	2,425	<ul style="list-style-type: none"> Lao động trong hoạt động phi nông nghiệp Employment Level <ul style="list-style-type: none"> Lao động nhận lương Tự kinh doanh Lao động không lương (trong gia đình, v.v.) 	155,113 146,262 8,799 53	<ul style="list-style-type: none"> Sự khác biệt giữa hai loại thống kê (CPS và CES), 6.3 triệu, là lao động nông nghiệp, tự kinh doanh, làm không lương hay giúp việc trong nhà. 	
Thống kê về lao động theo loại hoạt động:	2019 (1,000 người)								
<ul style="list-style-type: none"> Nông nghiệp (lao động nhận lương, tự kinh doanh, lao động không lương) 	2,425								
<ul style="list-style-type: none"> Lao động trong hoạt động phi nông nghiệp Employment Level <ul style="list-style-type: none"> Lao động nhận lương Tự kinh doanh Lao động không lương (trong gia đình, v.v.) 	155,113 146,262 8,799 53								
<ul style="list-style-type: none"> Sự khác biệt giữa hai loại thống kê (CPS và CES), 6.3 triệu, là lao động nông nghiệp, tự kinh doanh, làm không lương hay giúp việc trong nhà. 									

• Khác biệt giữa điều tra hộ gia đình và cơ sở sản xuất

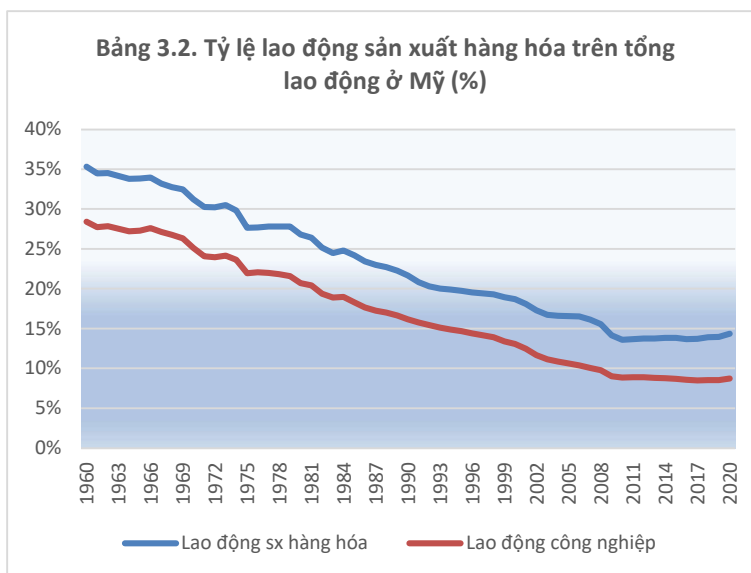
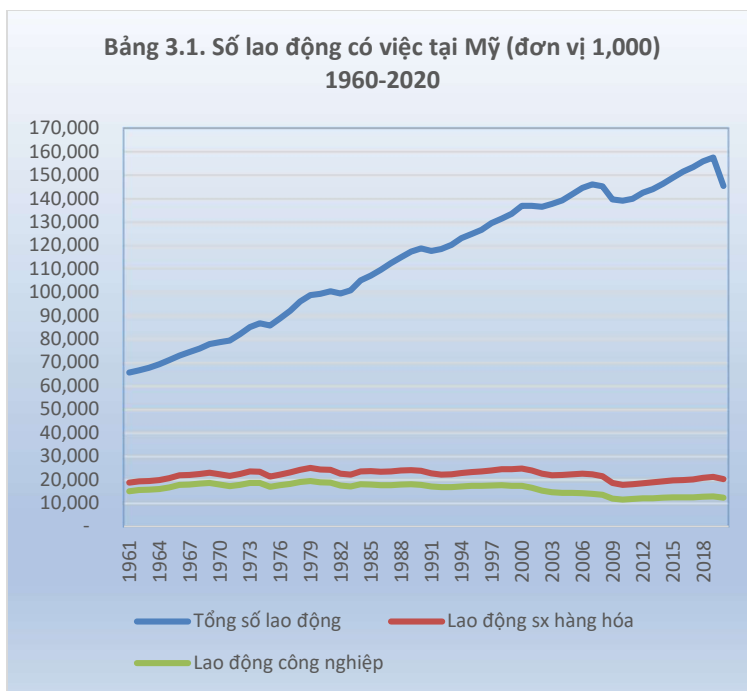
	Tháng 8, 2020 (đơn vị 1000 người)	
	Hộ gia đình (CPS)	Cơ sở sản xuất (CES)
Lực lượng lao động	160,835	
Lao động có việc	147,288	140,914
Thất nghiệp	13,550	
Tỷ lệ thất nghiệp	8.4%	

Số lao động có việc làm

Số việc làm năm 2019 trước khi xảy ra dịch covid-19 là 157.6 triệu,⁷ so với số dân 328 triệu (coi bảng 3.1 và 3.2) và tăng hơn gấp đôi kể từ năm 1960. Điều rất đáng nói là số dân có việc làm tăng nhưng chỉ tăng ở khu vực dịch vụ.

Số lượng lao động có việc làm trong sản xuất hàng hóa như nông nghiệp, hầm mỏ, thực phẩm, sắt thép, xe hơi, và xây dựng (chủ yếu cần dùng lao động không hơn cấp trung học) đã từng là biểu tượng của công nghiệp và công nghiệp hóa đưa đến phát triển thần kỳ của kinh tế, với năng suất ngày càng cao đạt tới đỉnh điểm là 24.6 triệu lao động rồi gần như đang theo xu hướng giảm, và đưa đến nghịch lý của năng suất là công nghiệp ngày càng cần ít lao động, như đã xảy ra với nông nghiệp. Nhìn vào tỷ lệ, thì tình trạng còn bi đát hơn, tỷ lệ lao động sản xuất hàng hóa truyền thống này trên tổng số lao động giảm rất đáng kể, từ 35% năm 1960 xuống còn 15.1% năm 2019. Nếu chỉ tính lao động trong công nghiệp (manufacturing), tỷ lệ hiện nay chỉ còn 8.3%. Đây chính là loại lao động có lương đủ cao để tạo ra tầng lớp trung lưu ở Mỹ. Tầng lớp trung lưu này vì thế giảm. 85% lao động còn lại hiện nay là lao động dịch vụ.

⁷ Vì dịch Covid19, số người có việc làm đã giảm xuống 141 triệu vào tháng 8 năm 2020, nhưng tác giả sẽ bỏ qua vấn đề ngắn hạn này để chỉ tập trung vào dài hạn.

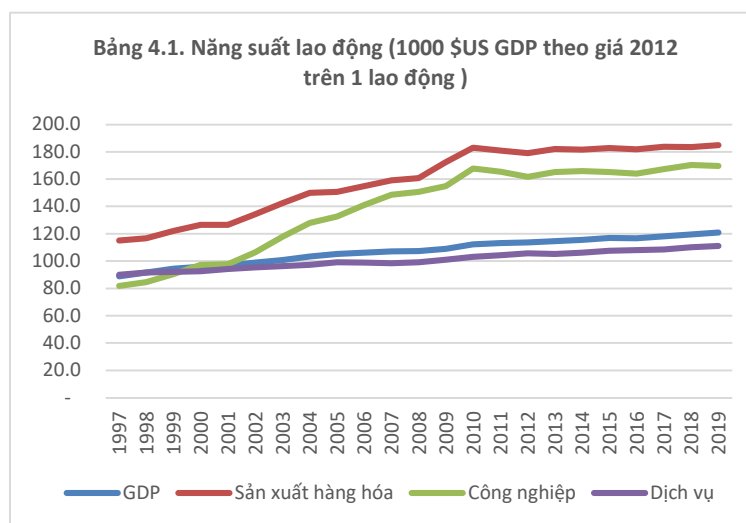


Nguồn: Bảng 1,2: [BLS-CPS Employment](#), [BLS-CES Nonfarm employment](#).
Số lao động năm là số trung bình 12 tháng trong năm.

Năng suất lao động

Vì số việc làm trong sản xuất hàng hóa không tăng và thậm chí đang giảm trong khi dân số vẫn tăng, do đó hầu hết lao động Mỹ bị đẩy vào hoạt động dịch vụ giản đơn như bán hàng, phụ giúp trong nhà hàng, chăm sóc người già, người bệnh, v.v. lương thấp. Chỉ có một số nhỏ lao động làm dịch vụ tài chính hay công nghệ thông tin có lương cao do đó thu nhập ngày càng tập trung vào họ.

Lao động chiếm lĩnh lớn trong xã hội hiện nay là trong bán lẻ, dịch vụ chuyên nghiệp và phục vụ thương mại (từ luật, kế toán, thiết kế, phục vụ máy tính, tư vấn kinh doanh), dịch vụ y tế, và hành chính chính quyền địa phương. Khu vực dịch vụ năm 2018 (bảng 5.1) tạo ra 82% GDP (không kể thuế hàng hóa) và chiếm 85% lao động không thể tăng dễ dàng như sản xuất hàng hóa, vì không thể dễ dàng tăng mạnh năng suất lao động, mặc dù năng suất lao động vẫn tiếp tục tăng (bảng 4.2). Chính vì thế năng suất lao động của nền kinh tế nói chung giảm dần khả năng tăng, hiện chỉ đạt bình quân năm 0.6% tính từ năm 2010 đến 2019, và vì thế thu nhập từ lao động nói chung cũng chỉ tăng tương tự. Từ năm 1970 đến 2019, tính theo giá tiêu dùng cố định, GDP đầu người lao động có việc làm tăng 43% (trung bình năm là 0.75%), thu nhập từ lương ở Mỹ tính chung tăng 31%, thu nhập cá nhân khi cộng thêm cộng thêm thu nhập từ đầu tư tài chính tăng 53%, nhưng thu nhập từ tài chính này tập trung vào một số nhỏ người có sở hữu tài sản tài chính.. Với một số dịch vụ như bán hàng qua mạng, thì dịch vụ qua mạng này sẽ thay thế các cửa hàng bán lẻ, các siêu thị, lợi nhuận tập trung vào chủ sở hữu một số nhỏ công ty, và lương cao chỉ trả cho một số nhỏ lao động có chuyên môn cao.



Bảng 4.2. Năng suất lao động: sản xuất hàng hóa so với sản xuất dịch vụ

1997-1999	1.29
2000-2009	1.52
2010-2019	1.71

III. Thu nhập lao động và sự hình thành của tầng lớp trung lưu Mỹ

Tăng năng suất lao động và phát triển sản xuất hàng hóa đặc biệt là công nghiệp đã đưa đến tăng thu nhập lao động và qua đó hình thành tầng lớp trung lưu xây dựng quanh khu vực sản xuất hàng hóa. Và tất nhiên khi khu vực này giảm dần nhường cho dịch vụ thì lúc đó bản thân tầng lớp trung gian ở Mỹ như hiện nay đã và đang đi xuống.

Thu nhập lao động và thu nhập cá nhân

Do sự chuyển hướng phát triển lao động trong các ngành nghề khác nhau và ảnh hưởng đến năng suất nói chung của nền kinh tế, thu nhập của người lao động trong các ngành nghề khác nhau và của cả nền kinh tế cũng thay đổi, và về cơ bản thu nhập sau khi trừ đi ảnh hưởng của lạm phát sẽ không thể tăng nhanh khi năng suất không tăng nhanh.

Bảng 5.1 ở dưới cho thấy trong năm 2018, công nghiệp chỉ thu dụng 8.3% lao động và tạo ra 11.3% GDP (phản ánh thu nhập của cả chủ và thợ), trong khi đó tài chính chỉ dùng 5.6% lao động nhưng tạo ra (hay có thể nói thu vào được) 20.9% GDP.

Bảng 5.2 tính dựa vào bảng 5.1 cho thấy nơi tạo ra GDP cao nhất tính cho từng lao động là thuộc ngành tài chính và thông tin (bao gồm thu nhập của lao động và chủ nhân), cao gấp gần 3-4 lần so với số lao động bình quân (100 là chỉ số trung bình). Cần nhận diện là 2 ngành điện nước và khai mỏ cao chủ yếu vì phải đầu tư vào hạ tầng cao cho nên khấu hao (một phần trong GDP) cao.

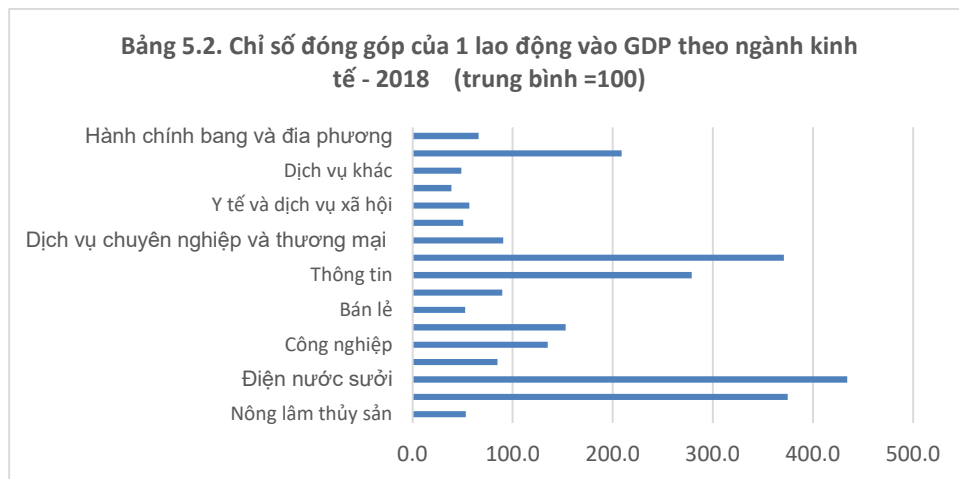
Bảng 6 cho thấy cụ thể hơn, đó là lương trong năm của một lao động trong từng ngành. Rõ ràng, lương năm trong ngành tài chính so với lương trung bình tăng từ 210% năm 1980 lên 358% năm 2019. Trong

khí đó, lương trong công nghiệp chế biến giảm từ 114% xuống 109% mức trung bình. Bảng 5.2 tính dựa vào (1) và (2) trong bảng 6.

Bảng 5.1. Tỷ lệ ngành kinh tế trong GDP và tổng lao động (2018)

	Tỷ lệ trong GDP	Tỷ lệ trong lao động
	(1)	(2)
Tổng	100.0%	100.0%
Sản xuất hàng hóa	17.8	15.1
Nông lâm thủy sản	0.8%	1.5%
Khai mỏ	1.7%	0.4%
Xây dựng	4.1%	4.8%
Công nghiệp	11.3%	8.3%
Dịch vụ	82.2	84.9
Bán buôn	5.9%	3.8%
Bán lẻ	5.5%	10.4%
Điện nước sưởi	1.6%	0.4%
Vận tải chứa kho	3.2%	3.6%
Thông tin	5.2%	1.9%
Tài chính, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản	20.9%	5.6%
Dịch vụ chuyên nghiệp và thương mại	12.5%	13.8%
Giáo dục	1.2%	2.5%
Y tế và dịch vụ xã hội	7.5%	13.1%
Văn hóa, giải trí, khách sạn nhà hàng	4.2%	10.7%
Dịch vụ khác	2.1%	4.4%
Hành chính Liên bang	3.8%	1.8%
Hành chính bang và địa phương	8.5%	12.9%

Bảng 5.2. Chỉ số đóng góp của 1 lao động vào GDP theo ngành kinh tế - 2018 (trung bình =100)



Bảng 6. Lương bình quân năm một người làm việc toàn thời gian theo ngành⁸

	1980	2019	1980	2019
	US\$ giá hiện hành		%	
Thu nhập trung bình	15,746	66,778	100	100
Nông nghiệp	8,146	36,663	52	55
Khai mỏ	23,759	110,582	151	166
Điện nước	21,794	117,030	138	175
Xây dựng	18,450	67,503	117	101
Công nghiệp chế biến	17,967	72,735	114	109
Bán buôn	18,695	84,161	119	126
Bán lẻ	10,844	39,457	69	59
Vận tải	20,786	60,875	132	91
Thông tin	22,303	130,574	142	196
Tài chính	16,027	115,557	102	173
Chứng khoán, đầu tư	33,027	238,876	210	358
Các quỹ tài chính	23,956	150,823	152	226
Chuyên nghiệp	20,435	105,907	130	159
Y tế	14,637	57,719	93	86
Y tá	-	38,009	-	57
Dịch vụ xã hội	8,783	29,907	56	45
Giáo dục	11,653	50,040	74	75
Khách sạn	9,869	42,569	63	64

⁸ Table 6.6D. Wages and Salaries Per Full-Time Equivalent Employee by Industry, https://apps.bea.gov/iTable/index_nipa.cfm.

Bảng 6. Lương bình quân năm một người làm việc toàn thời gian theo ngành (tiếp)

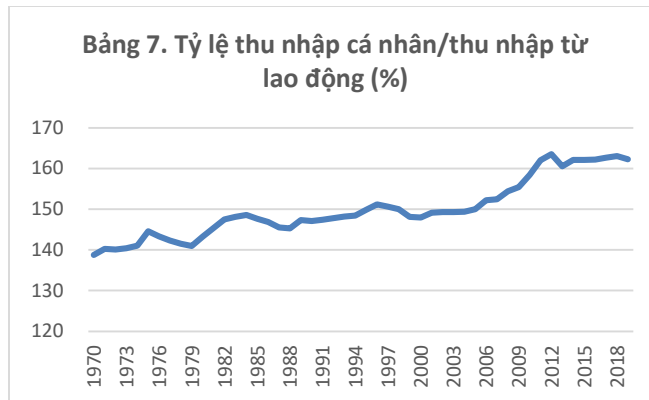
	1980	2019	1980	2019
			%	
Nhà hàng	-	29,555	-	44
Công chức liên bang	17,633	86,414	112	129
Công chức bang	15,330	66,611	97	100

Dịch vụ cao cấp đưa đến thu nhập cao cho cả chủ và người lao động, nhưng nói chung khi nền kinh tế ngày càng dựa vào dịch vụ, năng suất lao động của cả nền kinh tế sẽ tăng chậm lại vì năng suất lao động ở hầu hết các hoạt động dịch vụ không thể tăng nhanh.

Sự co cụm lại của tầng lớp trung lưu và sự tập trung tài sản và thu nhập vào một số nhỏ người giàu

Để tìm hiểu thêm về nước Mỹ, cũng nên biết thêm về **sự khác biệt giữa thu nhập lao động** (compensation of employees và Proprietors' income) **và thu nhập cá nhân** (personal income)⁹. Thu nhập cá nhân rộng hơn thu nhập lao động vì bao gồm cả thu nhập từ sở hữu, như tiền thuê nhà đất, lãi cho vay và cổ tức từ chứng khoán. Có thể thấy là thu nhập của cá nhân ngày càng dựa vào thu nhập sở hữu, ngoài lao động. Năm 2018, thu nhập ngoài lao động này đã chiếm gần 65% thu nhập cá nhân, và tăng từ dưới 40% năm 1970 lên (đây là năm đầu thống kê này được tính).

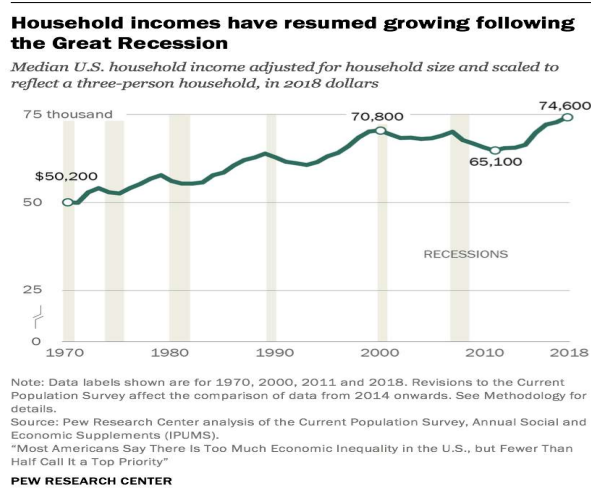
⁹ Thống kê này từ bảng 2.1 của US Bureau of Economic Analysis đã được tác giả tính lại theo đúng chuẩn SNA của Liên Hợp Quốc, loại trừ các thu nhập chuyển nhượng như cho không, trợ cấp xã hội và đồng thời trừ đi thu nhập sở hữu phải chi. Table 2.1. Personal Income and Its Disposition, https://apps.bea.gov/iTable/index_nipa.cfm.



Đây là lý do thu nhập cá nhân tập trung vào các hộ giàu, tầng lớp có thu nhập cao. Và hiện nay theo Goldman Sachs, 1% gia đình giàu nhất (tức là 1,285 hộ) làm chủ 50% chứng khoán trên thị trường, tăng lên từ 39% những năm 1980.¹⁰ Hiện vào thời điểm viết bài này giá trị chứng khoán trên thị trường NYS và Nasdaq cộng chung lại là 38 ngàn tỷ US, bằng 181% GDP năm 2019.

Khu vực hộ trung lưu đang giảm dần vai trò trong xã hội. [Thu nhập trung vị hộ gia đình](#), phản ánh thu nhập của tầng lớp trung lưu ở Mỹ, tính theo giá năm 2018, tức là loại trừ lạm phát, nói chung tăng từ 1970 đến 2000, nhưng 20 năm nay kể từ 2000 đến nay coi như không tăng. Thu nhập trung vị hộ gia đình năm 2018 là \$74,600.

Bảng 8. Thu nhập hộ trung vị hộ gia đình



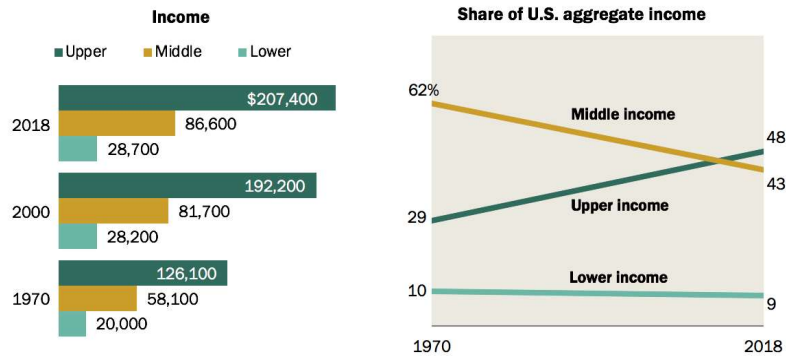
¹⁰ <https://finance.yahoo.com/news/the-richest-1-own-50-of-stocks-held-by-american-households-150758595.html>.

Không chỉ tài sản như chứng khoán tập trung vào người giàu, thu nhập quốc gia cũng ngày càng chuyển dần vào gia đình giàu, và đây một phần lớn là kết quả của sự biến dân vai trò của công nghiệp và sự tăng ảnh hưởng của tài chính và công nghệ cao, chủ yếu mang tính dịch vụ. Nếu chỉ nói về thu nhập (khác với tài sản như chứng khoán hay nhà đất), năm 1970 những người có thu nhập cao nắm 29% tổng thu nhập quốc gia. Năm 2018 họ nắm 48% thu nhập quốc gia. Tỷ lệ gia đình trung lưu giảm từ 62% xuống 43%.

Bảng 9. Phân phối thu nhập cao, trung tuyến và thấp ở Mỹ

The gaps in income between upper-income and middle- and lower-income households are rising, and the share held by middle-income households is falling

Median household income, in 2018 dollars, and share of U.S. aggregate household income, by income tier



Note: Households are assigned to income tiers based on their size-adjusted income. Incomes are scaled to reflect a three-person household. Revisions to the Current Population Survey affect the comparison of income data from 2014 onwards. See Methodology for details.

Source: Pew Research Center analysis of the Current Population Survey, Annual Social and Economic Supplements (IPUMS).

*Most Americans Say There Is Too Much Economic Inequality in the U.S., but Fewer Than Half Call It a Top Priority

PEW RESEARCH CENTER

Định nghĩa hộ trung lưu

Vậy nhóm gia đình trung lưu được định nghĩa như thế nào?

US census không có định nghĩa chính thức nhưng PewCenter định nghĩa là các gia đình có thu nhập bằng 67% đến 200% median income (thu nhập trung vị ở chính giữa) là thuộc gia đình trung lưu. Cao hơn là thuộc nhóm thu nhập cao (upper income) và thấp hơn là nhóm thu nhập thấp (lower income).

[Theo US census](#), Median income là \$63,178/năm 2018 và thu nhập gia đình trung lưu là nằm giữa khoảng \$42,330 and \$126,358.

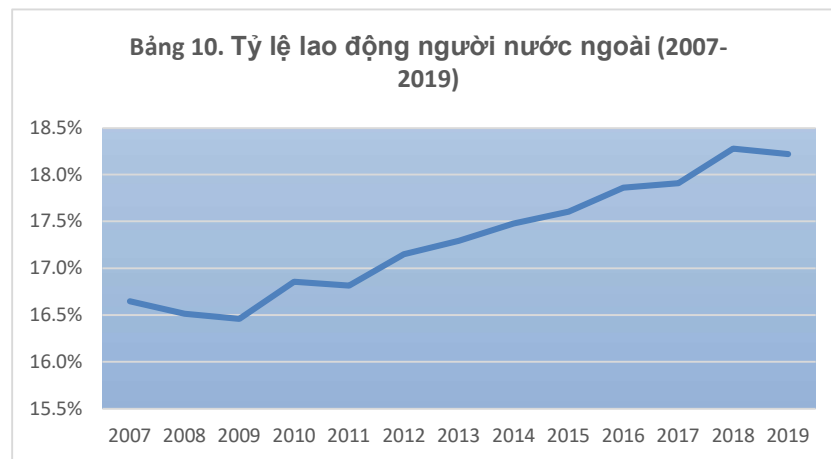
Dựa vào số liệu Census 2018,¹ có thể tính ra sơ ra như sau với 128.5 triệu hộ gia đình ở Mỹ:

- 20% hộ thuộc nhóm có thu nhập cao (hiện nay nắm 48% tổng thu nhập);
- 45% hộ gia đình ở Mỹ thuộc nhóm trung lưu;
- 34% hộ có thu nhập thấp (trong đó 71% chỉ có học lực trung học trở xuống, và 41% là không có việc hay chỉ làm việc bán thời gian).

Vai trò của lao động nước ngoài

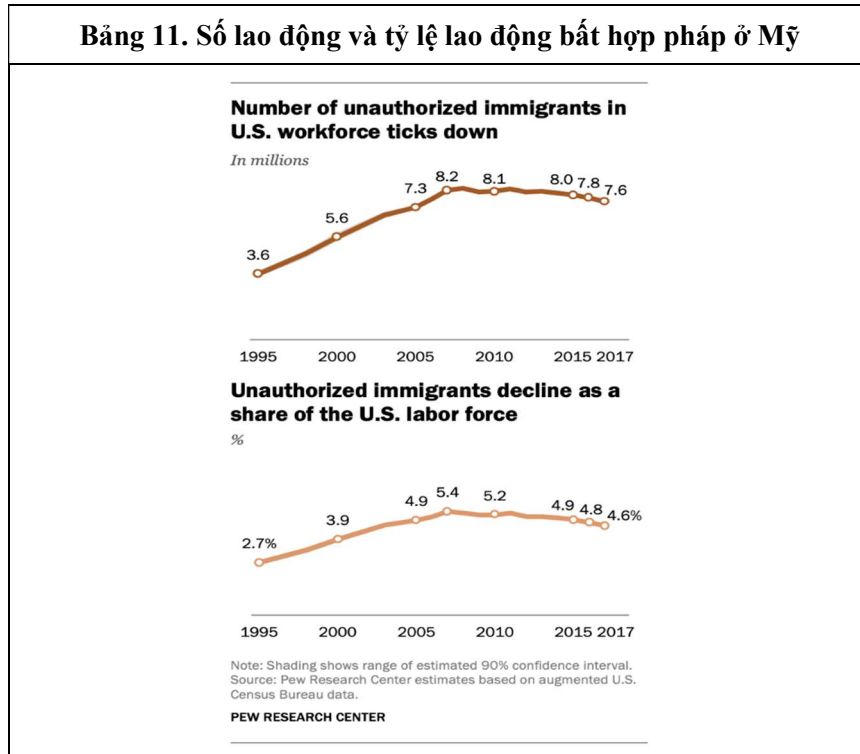
Một nhận định phổ biến tương đối khá rộng rãi là người nước ngoài, đặc biệt là người nhập cư trái phép, xâm nhập vào xã hội Mỹ để lấy việc và gây áp lực làm giảm lương người sinh đẻ ở Mỹ. Đây cũng là vấn đề cần tìm hiểu.

Số lao động nước ngoài năm 2019 là 27.5 triệu so với tổng số lao động là 150.9 triệu, chiếm một tỷ lệ tăng từ 16.6% năm 2007 lên 18.2% năm 2019 (Cách tính này dựa trên bình quân các tháng trong năm nên khác và cao hơn 17.4% của Bộ Lao động vì với con số của Bộ lao động tính ở thời điểm tháng cuối năm). Như vậy có thể nói nước Mỹ hiện dựa vào lao động nước ngoài khá mạnh.



Lao động người nước ngoài bao gồm lao động hợp pháp và bất hợp pháp mà Bộ Lao động không có số liệu phân biệt. Theo Pew Research,¹¹ số lao động bất hợp pháp được ước tính chiếm gần 30% số lao động nước ngoài, khoảng 7.6 triệu (trong số 10.5 triệu di dân bất hợp pháp); đa số làm các nghề như công nhân ở nông trại, hoặc làm nghề cắt cỏ, xây dựng, sửa chữa nhà, lau chùi, phụ nhà hàng, coi trẻ em, v.v.

Bảng 11. Số lao động và tỷ lệ lao động bất hợp pháp ở Mỹ



Tuy nhiên 70% lao động nước ngoài là hợp pháp và tập trung vào lao động chuyên nghiệp như y tá, giáo dục hoặc IT có bằng đại học mà Mỹ thiếu, hoặc có thể vì chủ muốn trả lương thấp, nhằm tăng lợi nhuận. Thực tế, trừ lao động giản đơn, lao động nước ngoài có chuyên môn, học vấn trình độ đại học và trên được hưởng lương cao hơn lương của người Mỹ vì rõ ràng Mỹ thiếu lao động chuyên môn trong một số ngành nghề. Bảng 12.1 và 12.2 cho thấy chỉ có người Hispanics là có thu nhập thấp hơn (vì làm chui hoặc có học vấn thấp) và do đó gây áp lực giảm lương cho người nghèo ở Mỹ, nhưng thực chất đây là những việc người Mỹ không muốn làm. Các lao động nước ngoài khác đều được trả lương cao hơn người Mỹ.

¹¹ <https://www.pewresearch.org/fact-tank/2019/06/12/5-facts-about-illegal-immigration-in-the-u-s/>.

Bảng 12.1. Thu nhập trung vị hàng tuần theo màu da, 2018¹²

	Người nước ngoài (1)	Người Mỹ (2)	Tỷ lệ (1)/(2)
Trắng	1083	986	109.8
Đen	699	697	100.3
Á Châu	1129	1065	106.0
Hispanics	621	741	83.8

Bảng 12.2. Thu nhập trung vị hàng tuần theo bằng cấp, 2018

	Người nước ngoài (1)	Người Mỹ (2)	Tỷ lệ (1)/(2)
Không tốt nghiệp trung học	535	578	92.6
Tốt nghiệp trung học, không đại học	632	754	83.8
Học đại học chưa xong	755	837	90.2
Cử nhân hoặc cao hơn	1361	1309	104.0

Nguồn: [BLS, Table 5](#)

Như vậy lập luận rằng việc sử dụng người nước ngoài, dù bất hợp pháp hay hợp pháp, là nhằm làm giảm chi phí lao động của nhà sản xuất và tăng lợi nhuận cũng chỉ đúng một phần.

Theo bài viết của Bùi Ngọc Hoàn¹³, một nghiên cứu cho Bộ Phòng Ngân sách Quốc hội Mỹ (2007) dựa vào Sở thuế IRS cho thấy khoảng trên 50% người di dân trái phép đóng thuế thu nhập cá nhân và những người này dùng “Số Căn Cước Cá Nhân Của Người Đóng Thuế” (Individual Taxpayer Identification Number, ITIN) hoặc mượn Số An sinh Xã hội của người khác (Social Security Number) và hơn nữa họ cũng phải trả thuế tiêu thụ như mọi người tiêu thụ khác. Và họ cũng được hưởng một số phúc lợi như có quyền gửi con đi học trường công theo luật định đồng thời có thể sử dụng nhà thương công.

¹² Tính dựa vào:

https://www.bls.gov/news.release/archives/forbrn_05162019.htm. Cũng nên xem: <https://www.bls.gov/opub/ted/2019/foreign-born-workers-with-a-bachelors-degree-and-higher-earned-more-than-native-born-in-2018.htm>.

¹³ Bùi Ngọc Hoàn, Di dân Bất hợp khác, cùng số Thời Đại Mới này.

Kết luận về giải pháp có thể

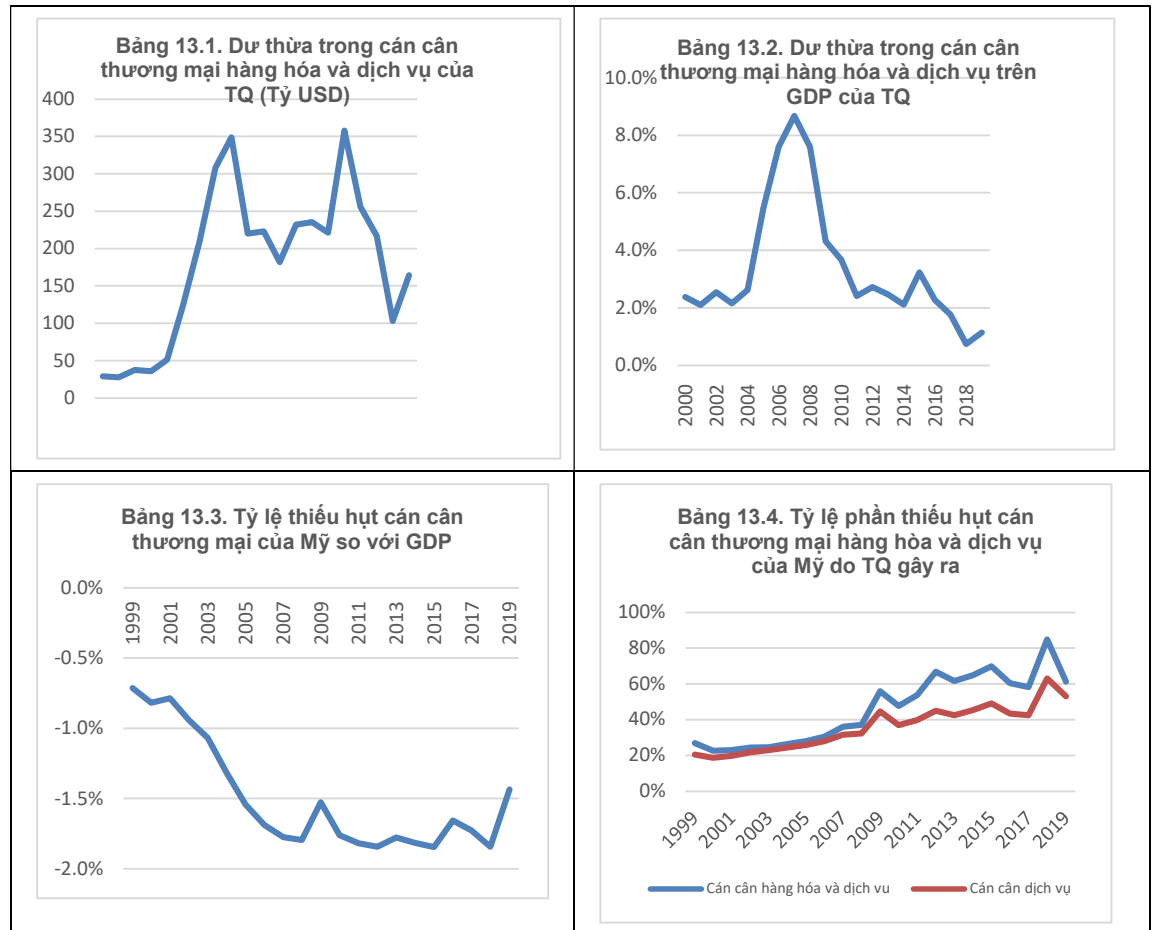
Sự thay đổi trong chiều hướng phát triển kinh tế khi phân tích dưới một lăng kính dài hạn đã cho thấy là do phát triển khoa học kỹ thuật đưa đến tăng năng suất lao động, vai trò của lao động trong công nghiệp sản xuất hàng hóa giảm dần. Ở Mỹ, đã từ lâu công nghiệp không còn là nơi tạo thêm ra việc làm cho người Mỹ. Ngay vào năm 2001 là lúc mà Trung Quốc được tham gia vào WTO thì tỷ lệ lao động trong sản xuất hàng hóa chỉ còn 17%, giảm xuống từ đỉnh cao trên 35%. Hiện nay, 2019, lao động trong sản xuất hàng hóa chỉ còn 14% và công nghiệp là 8%. Năm 2007 sản xuất hàng hóa kể cả công nghiệp cần 22 triệu lao động, năm 2019 lại cần ít hơn, chỉ có 21 triệu lao động. Vì hoạt động sản xuất hàng hóa, nhất là công nghiệp đã tạo lập nên tầng lớp trung lưu cho nước Mỹ dù chỉ cần học xong trung học. Thời đó đã qua. Nền kinh tế ngày càng đi vào hướng dịch vụ, hoặc không có việc, và trong hoạt động dịch vụ, thu nhập và sự giàu có tập trung vào một số rất nhỏ người hoạt động trong ngành tài chính và thông tin. Quan trọng hơn nữa vì khó lòng tăng năng suất của dịch vụ nên bản thân nền kinh tế Mỹ nói chung đang tăng trưởng chậm lại và sẽ tiếp tục như thế.

Học thuyết kinh tế cho đến nay được chấp nhận rộng rãi là quan hệ thương mại giữa các nước sẽ làm tăng thu nhập cho mọi nước tham gia, và đó là kết quả của chuyên môn hóa: nước có lợi thế so sánh hơn về lao động hay thiên nhiên về một hàng hóa nào đó nếu tập trung sản xuất chúng để trao đổi lấy hàng hóa sản xuất ở nước khác không có lợi thế so sánh, như thế kết quả là cả hai bên đều cùng có lợi. Bởi nếu không bỏ cái đang làm để chọn hoạt động kinh tế mà mình có ưu thế, thì sẽ mất mát, cái mất mát đó gọi là chi phí cơ hội (opportunity costs). Đó là nói về toàn cảnh xã hội nhất là dưới nhãn quan của người có vốn đầu tư, nhưng đối với cá nhân người lao động sự chuyển dịch vốn và nơi sản xuất có thể làm họ không thể tìm được việc làm hoặc có việc làm nhưng với lương thấp hơn. Với nhiều người lớn tuổi, không dễ dàng gì đi học lại hay chịu huấn luyện lại để có thể lao động ở những hoạt động có ưu thế tương đối.

Ngăn chặn hàng Trung Quốc và hàng hóa các nước chậm phát triển khác hoặc ngăn chặn việc nhập cư hợp pháp người lao động trí óc chưa chắc sẽ tạo thêm việc làm, dù là tạm thời cho người Mỹ, nhưng nước Mỹ sẽ phải trả chi phí cơ hội, giá trị tăng thêm sẽ ở mức thấp đi, mất đi đóng góp đặc biệt của lao động trí óc, và người Mỹ phải chi trả cao cho hàng tiêu dùng. Hơn thế, việc xóa bỏ thiếu hụt thương mại bằng cách cắt giảm hàng hóa từ Trung Quốc sang Mỹ có thể chuyển số thiếu hụt đó sang nước khác, chứ không hẳn tạo thêm việc làm. Dù tạo ra việc làm, thì mức tăng cũng chỉ tương đương 1.4% GDP của Mỹ (bằng tỷ lệ thiếu hụt

năm 2019). Việc tăng sản xuất này không thấm vào đâu so với tỷ lệ công nghiệp đã giảm từ khoảng 25% từ năm 1960 GDP xuống 11% hiện nay (và tỷ lệ lao động trong công nghiệp còn giảm mạnh hơn, hiện chỉ còn 8%). Về dài lâu, cần nhận thấy là bản thân nền kinh tế bị điều động bởi phát triển khoa học qua tự động hóa, giảm dần nhu cầu lao động cơ bắp giản đơn, và do đó không thể tạo thêm việc làm cho loại lao động này.

Có lẽ cần phân tích chi tiết hơn, nhưng về tổng thể, đúng là Trung Quốc được Mỹ và các quốc gia phát triển cao trên thế giới tạo lợi thế khi mở cửa cho Trung Quốc tham gia vào Tổ chức Thương Mại Thế giới năm 2001. Tuy nhiên, sau nhiều năm Trung Quốc đạt tỷ lệ dư thừa cao trong cán cân thương mại, lên tới hơn +8% GDP của họ, tỷ lệ dư thừa này cũng từ từ giảm, và hiện nay chỉ còn +1%, bởi vì người Trung Quốc cũng tăng chi tiêu, nhất là hàng nước ngoài (coi các bảng 13).



Nguồn: USBEA.

Còn Mỹ, thiếu hụt trong cán cân thương mại hàng hóa và dịch vụ hiện nay đã tới điểm dừng lại, chỉ còn khoảng -1.4% GDP (2019). Hơn một nửa số thiếu hụt này là từ Trung Quốc, tuy thế để giải quyết một cách đơn phương, Mỹ phải áp đặt nhiều nước chứ không chỉ Trung Quốc, do đó ta thấy Trump áp lực Việt Nam, Mexico, Canada, Liên Hiệp Châu Âu. Và sự áp đặt này cho đến nay chưa đưa đến kết quả khả quan. Việc áp dụng các biện pháp thông thường như tăng thuế nhập khẩu sẽ nâng giá tiêu dùng và do đó đánh vào chính người tiêu dùng Mỹ. Mỹ cần có các biện pháp đòi hỏi Trung Quốc thực thi đúng các hiệp định đã ký kết, đóng góp trách nhiệm vào hòa bình thế giới, ngăn chặn việc Trung Quốc lạm dụng cơ hội để đánh cắp hoặc phát triển công nghệ nhằm trở thành một lực lượng quân sự và an ninh vừa có khả năng bóp chặt quyền tự do và dân chủ của dân Trung Quốc vừa đe dọa hòa bình thế giới. Do đó cần có các biện pháp khác như:

- Xóa bỏ việc xếp Trung Quốc vào danh sách các nước đang phát triển để Trung Quốc được hưởng ưu đãi về thuế theo Hiệp định chung của Tổ chức Thương Mại Quốc tế.
- Đòi hỏi Trung Quốc mở cửa cho đầu tư của Mỹ trong lĩnh vực dịch vụ như ngân hàng, tài chính, bán buôn bán lẻ của địa điểm và trên mạng, và đóng cửa với Trung Quốc những khu vực mà họ đóng cửa với nước khác.
- Về mặt an ninh quốc gia, cần bảo đảm những công nghệ tiên tiến nhất được sản xuất ở Mỹ, tức là cần cấm công ty Mỹ vì lợi nhuận đưa các công nghệ này sang Trung Quốc để sản xuất, thậm chí hợp tác sản xuất (vì tư bản vì lợi nhuận sẽ bị ép buộc do tham thị trường rộng lớn của Trung Quốc).
- Cũng cần ngăn chặn các công ty Trung Quốc có quan hệ quốc phòng đầu tư vào công nghệ cao ở Mỹ để học hỏi.

Xuất khẩu từ Mỹ sang Trung Quốc hiện nay chỉ bằng 1/3 xuất khẩu từ Trung Quốc vào Mỹ. Dịch vụ nước Mỹ xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 34% tổng xuất khẩu nhưng chủ yếu là dịch vụ phục vụ dân Trung Quốc du lịch ở Mỹ, còn thu về bản quyền tài sản trí tuệ còn rất thấp (7-8 tỷ một năm). Ngược lại Mỹ nhập từ TQ là hàng tiêu dùng và sau đó là tư liệu sản xuất như máy móc dùng trong sản xuất. Điều cũng cần nhận thức là, bản thân sự thiếu hụt cán cân thương mại của Mỹ là do Mỹ tiêu nhiều hơn có. Tỷ lệ để dành nói chung của hộ gia đình Mỹ rất thấp, chỉ khoảng 7-8% thu nhập do đó mà tỷ lệ để dành của cả nền kinh tế chỉ có 17% GDP so với gần 50% của Trung Quốc của Trung Quốc. Và hơn 50% để dành của Mỹ là từ doanh nghiệp. Mỹ phải vay mượn nước ngoài (net change in financial position) để chi tiêu và trả nợ, và trong 2 năm 2018-2019, số vay nợ nước ngoài tăng mạnh lên tới 10% và 6% GDP,

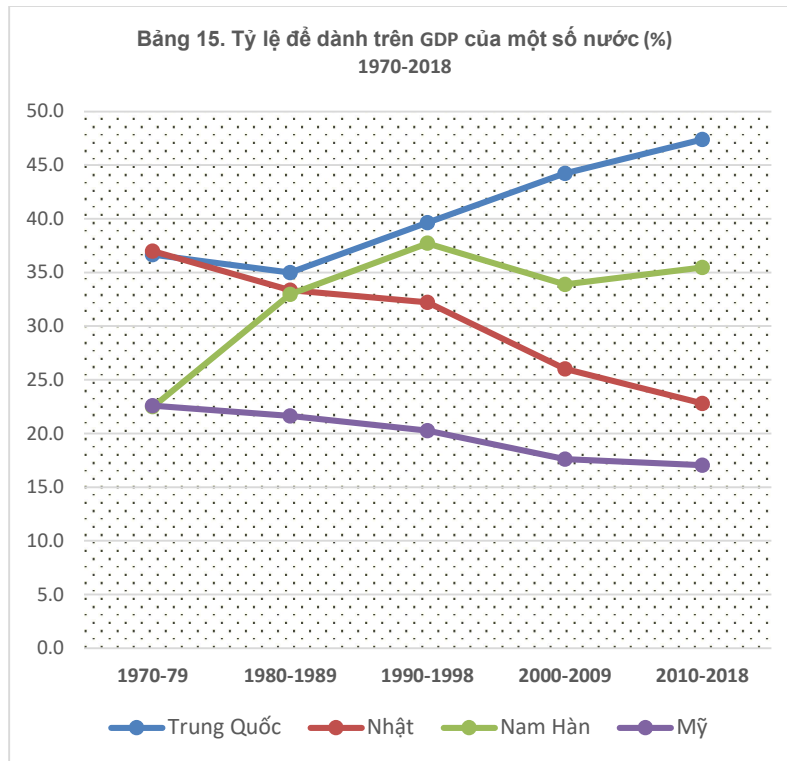
vượt tỷ lệ 3% trước đây,¹⁴ tỷ lệ như thế cao hơn nhiều lần so với tỷ lệ thiếu hụt cán cân thương mại. Trong khi đó Trung Quốc giao hàng và nhận giấy nợ cũng là điều đang suy nghĩ.

Bảng 14. Cán cân thương mại hàng hóa và dịch vụ của Mỹ với Trung Quốc (\$US bil)

	2017	2018	2019	2017	2018	2019
Nhập	524	559	472	100%	100%	100%
Thực phẩm, thức ăn gia súc	6	7	5	1%	1%	1%
Hàng tiêu dùng	236	248	224	45%	44%	47%
Vật tư công nghiệp	48	56	43	9%	10%	9%
Tư liệu sản xuất	190	200	156	36%	36%	33%
Dịch vụ	18	19	20	3%	3%	4%
Xuất	187	179	164	100%	100%	100%
Thực phẩm, thức ăn gia súc	18	8	13	10%	5%	8%
Hàng tiêu dùng	7	8	9	7%	6%	6%
Vật tư công nghiệp	43	41	30	23%	23%	18%
Tư liệu sản xuất	48	53	45	26%	30%	28%
Dịch vụ	55	57	57	29%	32%	34%
Chuyên chở và du lịch	35	35	35	19%	20%	21%
Bản quyền tài sản trí tuệ	7	8	8	4%	5%	5%

Nguồn: US BEA: <https://www.bea.gov/data/intl-trade-investment>.

¹⁴ Tính từ change in financial position hay external net lending/net borrowing, coi USBEA: <https://apps.bea.gov/iTable/iTable.cfm?reqid=62&step=5&isuri=1&product=5>.

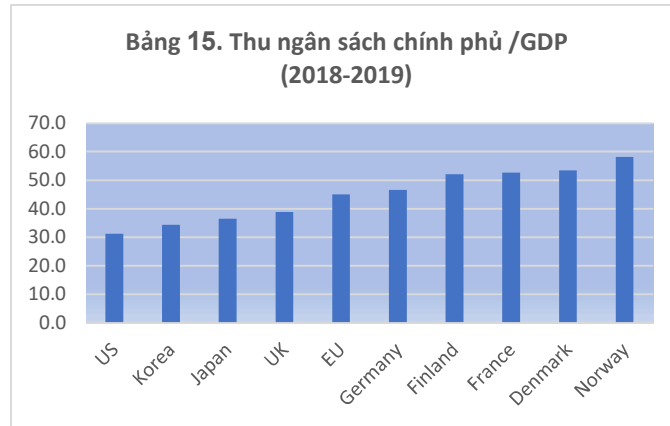


Việc một bộ phận lớn dân Mỹ có việc làm lương thấp hoặc không có việc, và có tới 74 triệu người có thể xếp vào nghèo, bằng 22.5% dân số Mỹ (coi Phụ Lục) không phải chủ yếu là do việc nền kinh tế Mỹ mở cửa cho tự do thương mại, thậm chí cả với Trung Quốc. Phần chủ yếu là sự phát triển của công nghệ và năng suất lao động như đã phân tích trong bài này. Hiện nay chỉ có dưới 1% dân Mỹ tham gia làm nông nghiệp nhưng họ đã thừa đủ nuôi cả nước, xuất khẩu và còn được chính phủ trợ cấp để bỏ hoang đất đai nhằm giữ giá.

Như vậy việc người Mỹ có quyền có việc làm hay được hưởng trợ cấp tối thiểu, được hưởng bảo hiểm sức khỏe, con cái họ có quyền được đi học đại học là một câu hỏi đòi hỏi câu trả lời mang tính chính trị và xã hội. Một điều quan trọng cũng cần nhận biết để tính đến giải pháp, là không ít người Mỹ cho rằng nhà nước đã thu thuế quá nhiều để nuôi người nghèo. Nhưng thực tế hiện nay, thu ngân sách nhà nước ở Mỹ gồm cả trung ương lẫn địa phương còn nhỏ, ở mức 31.2% GDP, thấp hơn cả Nam Hàn 34.4% GDP, và thấp xa so với 58.1% ở Norway.¹⁵ Người ta tự hỏi tại sao người dân lao động Mỹ lại tranh đấu giảm thuế cho người rất giàu, đặc biệt là các doanh nghiệp tài chính và công nghệ

¹⁵ <https://data.oecd.org/gga/general-government-revenue.htm>.

cao? Tại sao bất cứ ai nhất là người nghèo khi mua hàng và bất cứ dịch vụ gì (chiếm tới hơn 90% thu nhập cá nhân) cũng phải trả thuế doanh thu còn người mua bán cổ phiếu và ngoại tệ lại không bị đánh thuế doanh thu?



Phụ lục về người nghèo ở Mỹ

Theo US Census, năm 2018 có 38 triệu người nghèo và năm 2019 có 34.5 triệu người nghèo. Số liệu của US Bureau of Labor Statistics cũng tương tự.

Rất tiếc là dù kinh tế phát triển với GDP đầu người cao, tỷ lệ người nghèo ở Mỹ (theo định nghĩa của US Census người nghèo gồm những người sống trong hộ gia đình với thu nhập hộ thấp hơn chuẩn được gọi là nghèo) gần như không thay đổi đáng kể, lúc lên lúc xuống tùy đời tổng thống. Bắt đầu từ chiến dịch chống nghèo đói của Johnson và sau đó là Nixon, tỷ lệ có xuồng rồi lại tăng lại. Nhưng chính chiến dịch chống nghèo đói những năm 1963-1974 là lúc mà số người nghèo (23 triệu người) tỷ lệ người nghèo (11%) xuống thấp nhất trong lịch sử Mỹ. Cuối thời Obama, với Obamacare, tỷ lệ người nghèo cũng chỉ xuống thấp như thời Johnson-Nixon.

Do định nghĩa và cách thu thập thống kê, số người nghèo bị bỏ qua rất nhiều, chỉ điều tra người nghèo đánh giá hộ và đếm người trong hộ (không ở trong quân đội, trong tù, hay nơi coi sóc bệnh nhân dài hạn). Số người vô gia cư năm 2018 khoảng 500 ngàn theo Báo cáo Của Ban Cố Vấn Tổng Thống¹⁶ cũng không được tính.

Tuy nhiên, hiện nay theo Tổ chức Medicaid của chính phủ Mỹ, số người nhận Medicaid lên tới 74 triệu người.¹⁷ Con số này bao gồm người nghèo sống trong nơi hộ cư trú chính thức theo định nghĩa chính thức, những người không có hộ gia đình, và gồm cả những người có thu nhập trên ngưỡng nghèo nhưng không đủ khả năng tài chính mua bảo hiểm sức khỏe cho con cái và khi cho mang cho nên được nhận Medicaid qua chương trình bảo hiểm sức khỏe cho trẻ em

Định nghĩa nghèo

US Census

Theo US Census định nghĩa nghèo là những người có thu nhập dưới ngưỡng nghèo (poverty threshold), không phân biệt nơi cư trú. Ngưỡng nghèo là thu nhập bằng tiền trước thuế, gấp 3 lần chi phí để có được khẩu phần thực phẩm tối thiểu, và đối với gia đình, chi phí này được điều chỉnh đối với số người trong hộ, tuổi của thành viên và hàng năm được điều chỉnh theo thay đổi của chỉ số giá tiêu dùng (CPI).

<https://www.census.gov/data/tables/time-series/demo/income-poverty/historical-poverty-people.html>.

BLS

Cho thêm thông tin về lao động nghèo thuộc lực lượng lao động (156 triệu), làm ít nhất là 27 tuần một năm nhưng có thu nhập dưới ngưỡng nghèo là 7.0 triệu người năm 2018:

<https://www.bls.gov/opub/reports/working-poor/2018/pdf/home.pdf>.

Cách thu thập thống kê

Thu thập thống kê của US Census và BLS là điều tra hộ gia đình do đó không bao gồm những người trong quân đội, nhà tù, các địa điểm chăm sóc dài hạn cho người già, bệnh, khuyết tật, v.v. và tất nhiên người vô gia cư cũng bị loại.

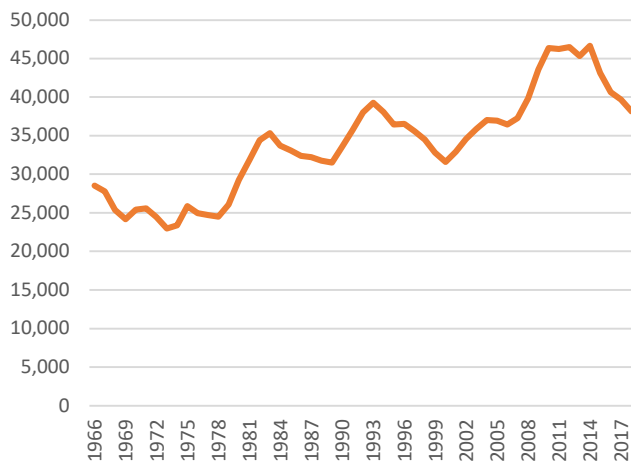
<https://www.census.gov/programs-surveys/cps/technical-documentation/methodology.html#:~:text=The%20C>

¹⁶ <https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2019/09/The-State-of-Homelessness-in-America.pdf>.

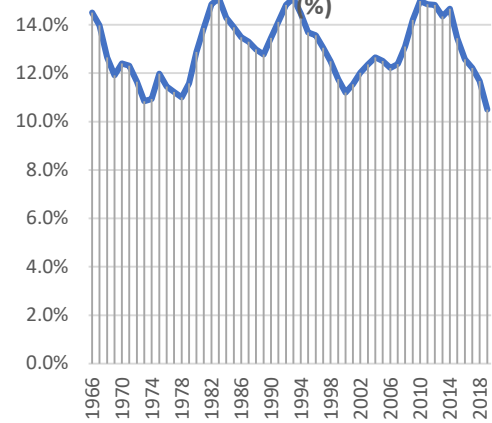
¹⁷ <https://www.medicaid.gov/medicaid/program-information/medicaid-and-chip-enrollment-data/report-highlights/index.html>.

(Children's Health Insurance Program - CHIP) Như vậy tỷ lệ người nghèo ở Mỹ nằm giữa 38 triệu và 74 triệu người hay là từ 10.5% đến 22.5% dân số Mỹ (Bảng 10.1, 10.2 là thống kê chính thức và người nghèo).

Bảng 16.1. Số người nghèo ở Mỹ (đơn vị ngàn)



Bảng 16.2. Tỷ lệ dân cư nghèo ở Mỹ (%)



Một số thống kê năm 2018

Dân số	Lực lượng lao động			Ngoài lực lượng lao động Quân nhân, và những người không muốn lao động và không thể lao động như trẻ em dưới 16 tuổi, người ở tù, các địa điểm chăm sóc dài hạn cho người già, bệnh, khuyết tật, vô gia cư.	Tổng nghèo	Nghèo được trợ cấp qua Medicaid và CHIP		Vô gia cư
	Tổng	Lao động có việc làm	Thất nghiệp			Nghèo theo đúng đúng chuẩn (thu nhập dưới ngưỡngng nghèo)	Nghèo không theo định nghĩa chính thức nhưng nhận Medicaid và CHIP	
327 triệu	162 triệu	156 triệu	6 triệu	165 triệu	74 triệu	38 triệu	36 triệu	0.5 triệu (0.2 ngừ ngoài đường)